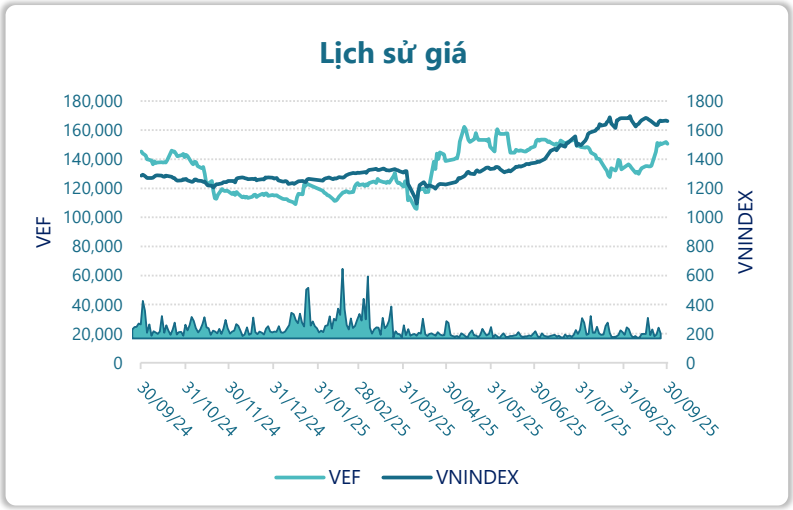
FireAnt

CTCP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (UPCOM: VEF)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**183,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	162,274
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	105,773
SL cổ phiếu LH	166,601,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,600
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30,571
P/E	1.9
EPS	95,153

DT thuần

Q3/25

46.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.2| 849%

YoY: ▲ 42.1| 1056%

LN sau thuế

Q3/25

168

tỷ VNĐ

QoQ: ▼209| -55.5%

YoY: ▲ 83.4| 98.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

464%

+/- YoY: ▼ 2195%

DT thuần

9T 2025

44,611

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44,606| 989148%

LN sau thuế

9T 2025

15,418

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15,154| 5731%

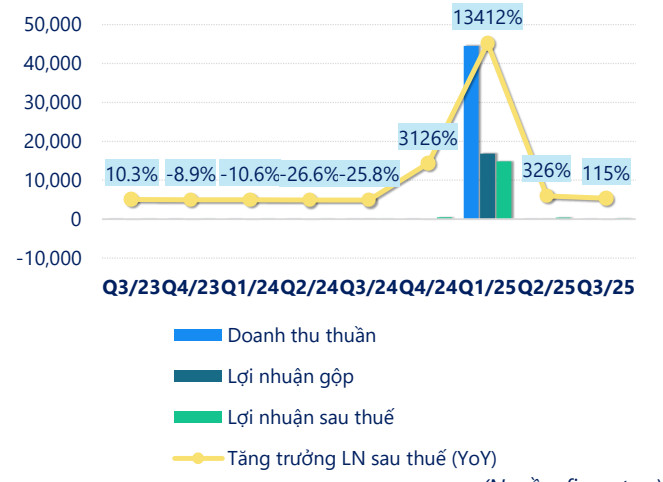
ROE

Q3/25

316%

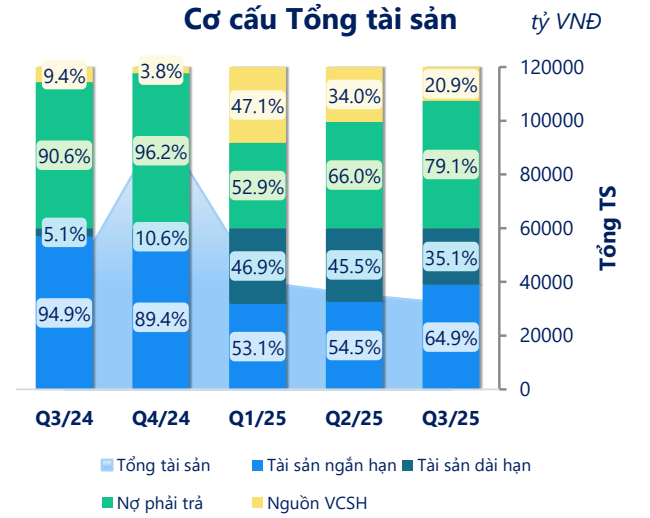
+/- YoY: ▲ 305%

Kết quả kinh doanh



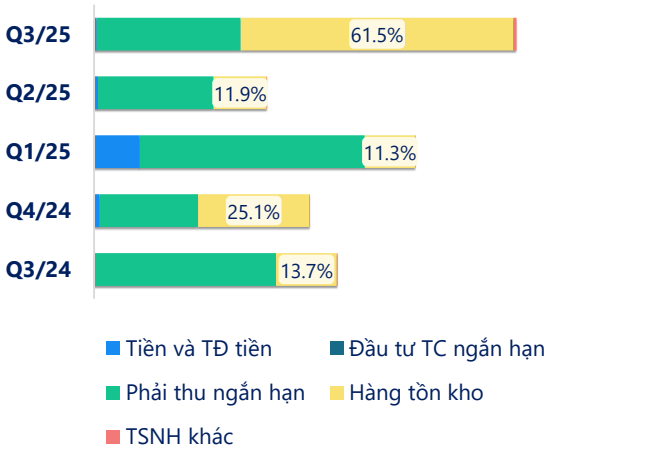
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



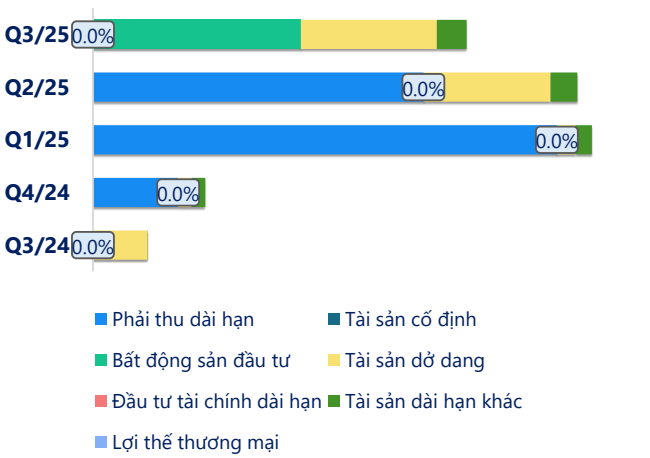
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



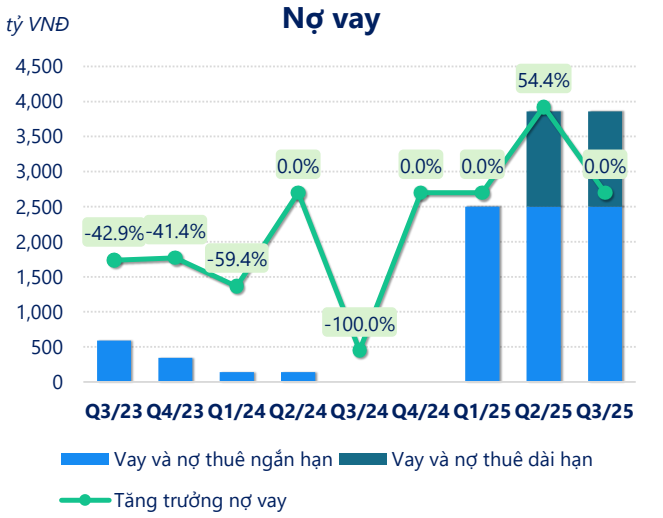
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



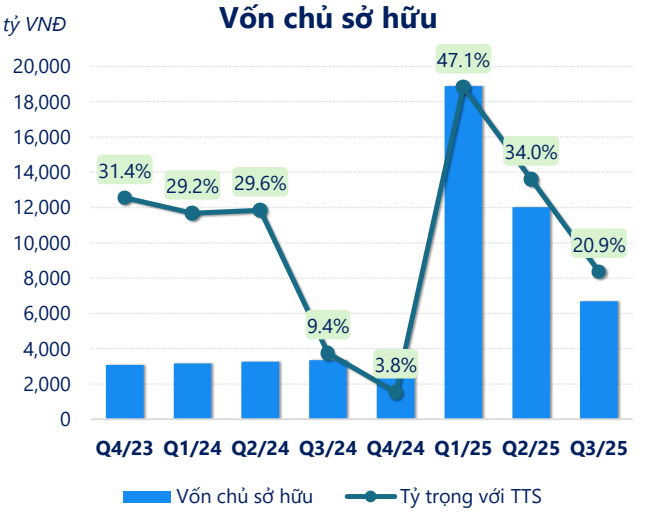
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



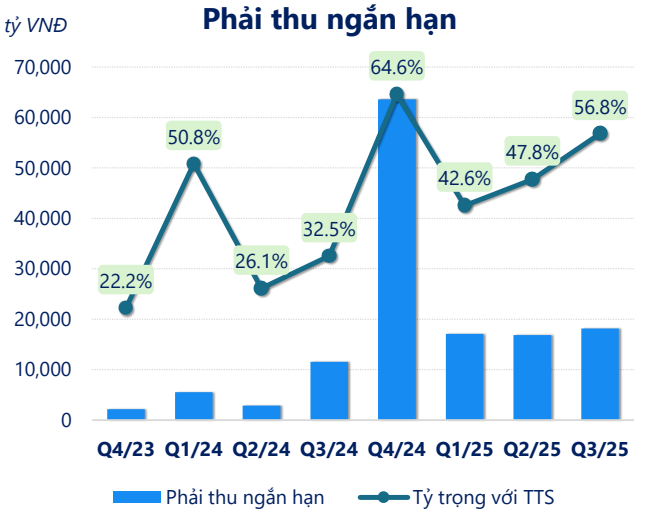
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



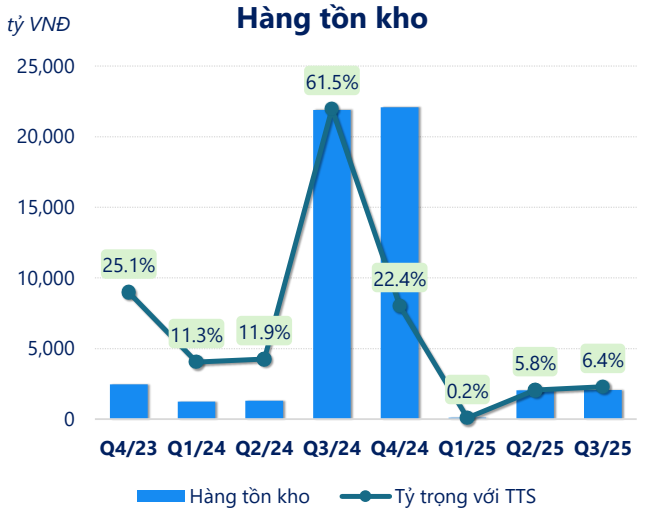
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



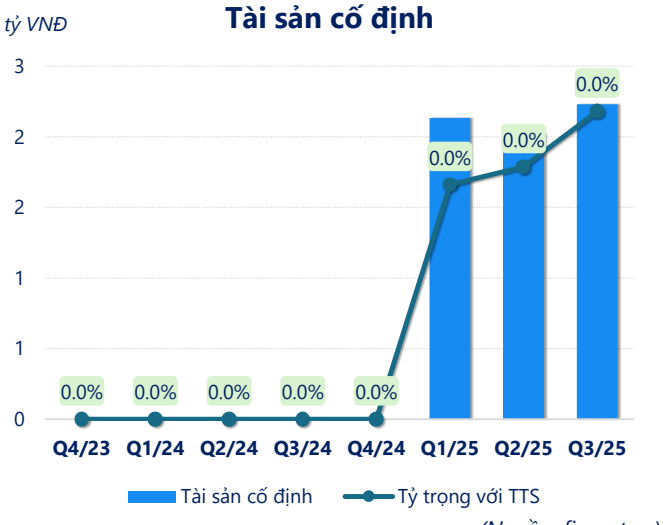
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



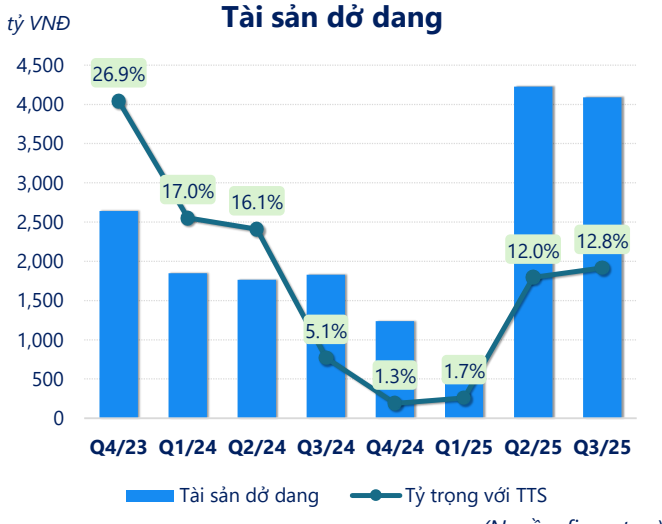
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



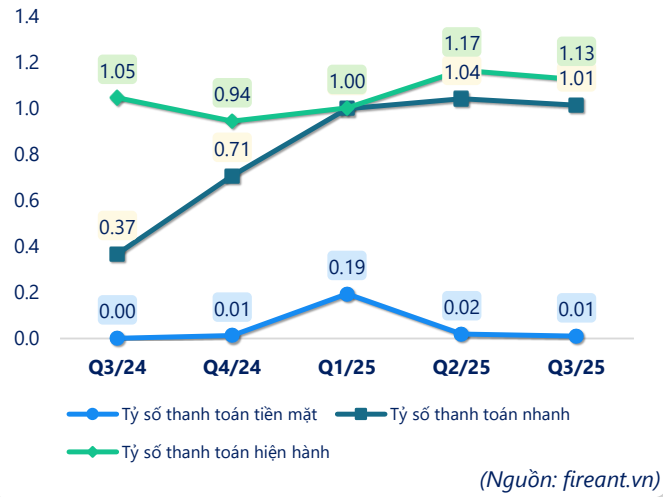
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



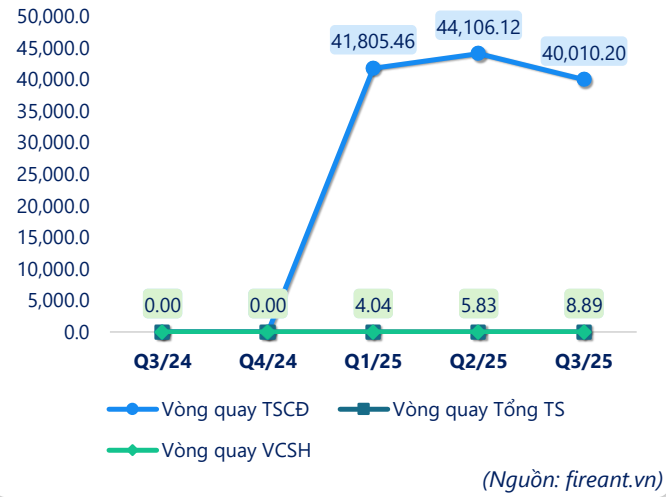
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**35,582**	**98,381**	**40,137**	**35,353**	**31,977**
Tài sản ngắn hạn	**33,753**	**87,995**	**21,306**	**19,255**	**20,746**
Tiền và tương đương tiền	33.1	1,210	4,125	314	182
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	11,576	63,568	17,082	16,881	18,157
Hàng tồn kho	21,892	22,083	99.2	2,041	2,050
Tài sản ngắn hạn khác	251	1,134	0.38	18.7	357
Tài sản dài hạn	**1,829**	**10,386**	**18,831**	**16,098**	**11,232**
Phải thu dài hạn	0	7,881	17,507	10,982	0
Tài sản cố định	0	0	2.13	2.02	2.23
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	6,253
Tài sản dở dang	1,829	1,238	690	4,227	4,088
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.56	1,268	632	887	889
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**32,241**	**94,606**	**21,245**	**23,331**	**25,286**
Nợ ngắn hạn	**32,241**	**93,133**	**21,245**	**16,515**	**18,440**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	2,500	2,500	2,500
Phải trả người bán ngắn hạn	28.5	52.4	50.0	171	2,929
Nợ dài hạn	0.05	1,472	0.05	6,816	6,846
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	1,360	1,360
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,341**	**3,775**	**18,892**	**12,022**	**6,691**
Vốn chủ sở hữu	**3,341**	**3,775**	**18,892**	**12,022**	**6,691**
Vốn điều lệ	1,666	1,666	1,666	1,666	1,666
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)